



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2014
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 8 - 28 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|----------|
| Ông Trần Khắc Hùng | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Gia Long | Ủy viên |
| Bà Chu Thị Minh Nguyệt | Ủy viên |
| Bà Trần Thị Hương | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|----------|
| Ông Trần Khắc Hùng | Giám đốc |
|--------------------|----------|

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 04 tháng 09 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3799/2014/BCSX- IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 09 năm 2014, từ trang 04 đến trang 28.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0748-2013-072-01

Trần Thiện Thanh

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1932-2013-072-01

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2014



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 13.927.946.062 | 13.992.869.718 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.526.234.125 | 1.614.238.894 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.526.234.125 | 1.014.238.894 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 600.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 2.480.632.600 | 2.422.896.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 7.344.358.600 | 7.339.358.600 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | (4.863.726.000) | (4.916.462.600) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.091.869.100 | 7.854.800.000 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 595.000.000 | - |
| 1. Trả trước cho người bán | 132 | V.3 | 7.178.349.100 | 9.086.280.000 |
| 2. Các khoản phải thu khác | 135 | V.4 | 6.948.593.900 | 6.398.593.900 |
| 3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (7.630.073.900) | (7.630.073.900) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.829.210.237 | 2.100.934.824 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 45.130.675 | 50.522.700 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 704.140.534 | 697.495.319 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 39.411.765 | 39.411.765 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.5 | 2.040.527.263 | 1.313.505.040 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 66.551.010.283 | 59.951.221.436 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 8.652.113.479 | 8.879.971.627 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 3.369.080.644 | 3.596.938.792 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.553.244.594 | 4.553.244.594 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.184.163.950) | (956.305.802) |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.6 | 5.283.032.835 | 5.283.032.835 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 56.100.000.000 | 49.100.000.000 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.8 | 56.100.000.000 | 49.100.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 131.646.804 | 175.749.809 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 131.646.804 | 175.749.809 |
| IV. Lợi thế thương mại | 269 | V.10 | 1.667.250.000 | 1.795.500.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 80.478.956.345 | 73.944.091.154 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 16.804.583.285 | 9.250.852.094 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.804.583.285 | 9.250.852.094 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | 2.600.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 578.180.000 | 579.909.599 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 5.026.200.000 | 5.131.200.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.11 | 58.599.641 | 47.484.141 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 176.772.998 | 300.148.594 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 10.888.533.501 | 512.312.615 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 76.297.145 | 79.797.145 |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | | 63.489.143.878 | 64.523.008.539 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.13 | 63.489.143.878 | 64.523.008.539 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 57.266.980.000 | 57.266.980.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 8.951.500.000 | 8.951.500.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 376.008.914 | 376.008.914 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 488.656.419 | 488.656.419 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (3.594.001.455) | (2.560.136.794) |
| C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 185.229.182 | 170.230.521 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 80.478.956.345 | 73.944.091.154 |



Trần Khắc Hùng
Giám đốc
Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B02 - DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 5.522.779.218 | - |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 5.522.779.218 | - |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 5.242.857.143 | - |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 279.922.075 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 46.505.140 | 1.690.525.163 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | (52.736.600) | 93.884.438 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 6.187.500 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.398.029.815 | 2.338.538.710 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (1.018.866.000) | (741.897.985) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | 116.727.272 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 125.814.000 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | - | (9.086.728) |
| 14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết | 45 | | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (1.018.866.000) | (750.984.713) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (1.018.866.000) | (750.984.713) |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 14.998.661 | (7.212.831) |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ | 62 | | (1.033.864.661) | (743.771.882) |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.4 | (181) | (130) |



Trần Khắc Hùng
Giám đốc
Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU B03 - DN/HN
Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1 | 5.207.200.000 | - |
| 1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 2 | (3.884.830.539) | (2.752.161.129) |
| 2. Tiền chi trả cho người lao động | 3 | (647.293.149) | (570.477.221) |
| 3. Tiền chi trả lãi vay | 4 | - | (6.187.500) |
| 4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 6 | 13.019.760.500 | 3.153.575.934 |
| 5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 7 | (4.548.646.721) | (520.777.316) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 9.146.190.091 | (696.027.232) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 21 | - | (1.576.000.000) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (163.504.208.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 495.000.000 | 162.629.892.681 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (7.000.000.000) | |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 46.505.140 | 1.577.696.985 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (6.458.494.860) | (872.618.334) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 1.701.500.000 | 1.500.000.000 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (4.477.200.000) | (1.500.000.000) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (1.595.400.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.775.700.000) | (1.595.400.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (88.004.769) | (3.164.045.566) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 1.614.238.894 | 37.897.800.982 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 1.526.234.125 | 34.733.755.416 |



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

(Handwritten signature)

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 10 lần, lần sửa đổi cuối cùng là ngày 26 tháng 05 năm 2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 13 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia Công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Đại lý môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu;
- Quảng cáo;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động nghệ thuật, sáng tác và giải trí;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết:
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;

3-C
FY
ĐU HA
V VÀ
CHÍNH
Ê
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, ...);
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc cưới, hội họp, đám cưới...);
 - Đại lý du lịch;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
 - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
 - Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
 - Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
 - Sản xuất rượu vang;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là hoạt động thương mại.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

Chi tiết thông tin về Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường như sau:

| | |
|--|--|
| Tên Công ty | : Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường |
| Địa chỉ | : Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Hà Nội |
| Hoạt động chính | : Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, xây lắp. |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2014: | 5.265.000.000 đồng |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | : 90% |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : 90% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm khấu hao</u> |
|------------------------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 08 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

HÀ NỘI
TR
KI
T
HOÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 898.802.008 | 195.606.796 |
| Tiền gửi ngân hàng | 627.432.117 | 818.632.098 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 600.000.000 |
| Cộng | 1.526.234.125 | 1.614.238.894 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 30/06/2014 | | 01/01/2014 | |
|---|---------------------|----------------------|---------------------|----------------------|
| | Số lượng Cổ phần | Giá trị VND | Số lượng Cổ phần | Giá trị VND |
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 215.529 | 5.839.358.600 | 215.529 | 5.839.358.600 |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng (*) | 63.067 | 3.784.029.600 | 63.067 | 3.784.029.600 |
| Công ty CP NTACO | 14.112 | 376.320.000 | 14.112 | 376.320.000 |
| Công ty CP Tài nguyên | 110.850 | 1.356.268.000 | 110.850 | 1.356.268.000 |
| Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải | 20.000 | 247.741.000 | 20.000 | 247.741.000 |
| Công ty CP Sara Việt Nam | 7.500 | 75.000.000 | 7.500 | 75.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | 1.505.000.000 | | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sara Việt Nam | | 1.005.000.000 | | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sarawindow | | 500.000.000 | | - |
| Cộng đầu tư ngắn hạn | | 7.344.358.600 | | 7.339.358.600 |
| Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn | | (4.863.726.000) | | (4.916.462.600) |
| Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 2.480.632.600 | | 2.422.896.000 |

(*) Đây là khoản đầu tư vào Cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 24 tháng 09 năm 2013, cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phương Tây thành Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK). Việc chuyển đổi khoản đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thành khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK) theo Công văn số 5738/TB-TCDK ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Thông báo của PVCOMBANK. Theo đó cổ đông sở hữu cổ phiếu PVF sẽ sở hữu cổ phiếu PVCOMBANK theo tỷ lệ 1:1 (01 cổ phần PVF được đổi 01 cổ phần PVCOMBANK).

3. Trả trước cho người bán

| | 30/06/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 4.930.000.000 | 7.830.000.000 |
| Hoạt động khác | 2.248.349.100 | 1.256.280.000 |
| Cộng | 7.178.349.100 | 9.086.280.000 |

4. Các khoản phải thu khác

| | 30/06/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phan Thế Hải | 2.736.000.000 | 2.736.000.000 |
| Ông Trần Tố | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 3.012.593.900 | 2.462.593.900 |
| Cộng | 6.948.593.900 | 6.398.593.900 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Tài sản ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 | 01/01/2013 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 1.880.527.263 | 1.313.505.040 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 160.000.000 | - |
| Cộng | 2.040.527.263 | 1.313.505.040 |

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự án Hải Dương | 1.800.000 | 1.800.000 |
| Dự án Hà Nam | 1.739.389.448 | 1.739.389.448 |
| Dự án Đồng Ga Long Biên | 3.471.843.387 | 3.471.843.387 |
| Dự án Nagoya Giken | 70.000.000 | 70.000.000 |
| Cộng | 5.283.032.835 | 5.283.032.835 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 241.542.727 | 72.727.273 | 4.160.437.818 | 78.536.776 | 4.553.244.594 |
| Tại 30/06/2014 | 241.542.727 | 72.727.273 | 4.160.437.818 | 78.536.776 | 4.553.244.594 |
| KHÁU HAO | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 81.576.492 | 31.633.206 | 770.657.180 | 72.438.924 | 956.305.802 |
| Khấu hao trong kỳ | 7.104.197 | 7.045.559 | 213.708.392 | - | 227.858.148 |
| Tại 30/06/2014 | 88.680.689 | 38.678.765 | 984.365.572 | 72.438.924 | 1.184.163.950 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 159.966.235 | 41.094.067 | 3.389.780.638 | 6.097.852 | 3.596.938.792 |
| Tại 30/06/2014 | 152.862.038 | 34.048.508 | 3.176.072.246 | 6.097.852 | 3.369.080.644 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Đầu tư dài hạn khác

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Góp vốn đầu tư dự án Đền Lừ | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Góp vốn đầu tư dự án Mê Linh | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay vốn (*) | 12.600.000.000 | 12.600.000.000 |
| Đầu tư vào trường Đông Đô (**) | 42.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| Cộng | 56.100.000.000 | 49.100.000.000 |

(*) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất 0,6%/năm. Theo đó, Công ty được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m² đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kì - Gia Lâm – Hà Nội.

(**) Theo thỏa thuận liên danh ngày 15 tháng 10 năm 2013, các thành viên liên danh gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và ông Trần Khắc Hùng cùng tham gia đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Tổng giá trị vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN góp 37 tỷ đồng (chiếm 74% trong tổng giá trị vốn góp), Công ty Cổ phần SARA Việt Nam góp 3 tỷ đồng (chiếm 6% trong tổng giá trị vốn góp) và ông Trần Khắc Hùng góp 10 tỷ đồng (chiếm 20% trong tổng giá trị góp vốn). Theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh đàm phán và ký kết hợp đồng đầu tư vào Trường đại học Dân lập Đông Đô, nhằm trở thành nhà đầu tư chiến lược và duy nhất của trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Trường đại học Dân lập Đông Đô đã thực hiện ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 4 năm 2014, các bên liên danh kể trên đã thống nhất đồng ý để Công ty Cổ phần Sara Việt Nam rút khỏi liên danh đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Đông Đô.

Ngày 28 tháng 4 năm 2014, 5 tổ chức và cá nhân gồm Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN, ông Trần Khắc Hùng, bà Nguyễn Thị Trang, bà Phạm Đỗ Diệu Thư và bà Trần Thị Yên đã ký Thỏa thuận liên danh để đầu tư vào Trường Đại học dân lập Đông Đô với tổng số tiền đầu tư là 50 tỷ và số tiền góp vốn lần lượt là 37 tỷ, 12 tỷ, 400 triệu, 200 triệu và 400 triệu. Các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh tiếp tục đàm phán hoàn thiện thủ tục góp vốn với Trường đại học Dân lập Đông Đô và hoàn tất quá trình chuyển đổi sang mô hình tư thục.

Trong tổng số tiền 42 tỷ mà Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN đã chuyển cho Trường Đại học Dân lập Đông Đô thì ông Trần Khắc Hùng đã chuyển số tiền 10 tỷ cho Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN để thực hiện việc góp vốn vào Trường này.

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ | 131.646.804 | 175.749.809 |
| Cộng | 131.646.804 | 175.749.809 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

10. Lợi thế thương mại

| | Số tiền VND |
|-----------------------------------|----------------------|
| GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 2.565.000.000 |
| Tại ngày 30/06/2014 | <u>2.565.000.000</u> |
| GIÁ TRỊ PHÂN BỐ | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 769.500.000 |
| Phân bổ trong kỳ | 128.250.000 |
| Tại ngày 30/06/2014 | <u>897.750.000</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 1.795.500.000 |
| Tại ngày 30/06/2014 | <u>1.667.250.000</u> |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 30/06/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 58.599.641 | 47.484.141 |
| Cộng | <u>58.599.641</u> | <u>47.484.141</u> |

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---------------------------|-----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 18.740.144 | 13.875.053 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.437.500 | 81.705 |
| Ông Trần Khắc Hùng (*) | 10.000.000.000 | - |
| Các khoản phải trả khác | 868.355.857 | 498.355.857 |
| - Cổ tức phải trả | 433.910.000 | 433.910.000 |
| - Các khoản phải trả khác | 434.445.857 | 64.445.857 |
| Cộng | <u>10.888.533.501</u> | <u>512.312.615</u> |

(*) Đây là số tiền mà ông Trần Khắc Hùng chuyển cho Công ty để Công ty thực hiện việc góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô theo thỏa thuận liên danh đã ký ngày 15 tháng 10 năm 2013 và Thỏa thuận liên danh ký ngày 28 tháng 4 năm 2014. Xem thêm thuyết minh V.8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Cổ phiếu

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|---|-------------------|-------------------|
| | Cổ phần | Cổ phần |
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Cổ phần phổ thông | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Số lượng cổ phần mua lại | - | - |
| Cổ phần phổ thông | - | - |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Cổ phần phổ thông | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại 01/01/2013 | 57.266.980.000 | 8.951.500.000 | 336.000.000 | 488.656.419 | (479.756.155) | 66.563.380.264 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | (2.040.371.725) | (2.040.371.725) |
| Phân phối quỹ | - | - | 40.008.914 | - | (40.008.914) | - |
| Số dư tại 01/01/2014 | 57.266.980.000 | 8.951.500.000 | 376.008.914 | 488.656.419 | (2.560.136.794) | 64.523.008.539 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | (1.033.864.661) | (1.033.864.661) |
| Số dư tại 30/06/2014 | 57.266.980.000 | 8.951.500.000 | 376.008.914 | 488.656.419 | (3.594.001.455) | 63.489.143.878 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty và công ty con đều có trụ sở tại thành phố Hà Nội. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý bán hàng hóa, bộ phận quản lý cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý bán hàng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến bán hàng.

Bộ phận quản lý cung cấp dịch vụ: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến dịch vụ cho thuê nhà.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

| | <u>Hoạt động bán hàng hóa</u> | <u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | <u>30/06/2014</u> | <u>30/06/2014</u> | <u>30/06/2014</u> |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản | | | |
| Tài sản bộ phận | 6.231.409.260 | 362.035.287 | 6.593.444.547 |
| Tài sản không phân bổ | | | 73.885.511.798 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | 80.478.956.345 |
| Nợ phải trả | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 235.372.639 | 668.825.857 | 904.198.496 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | 15.900.384.789 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | 16.804.583.285 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

14. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

| | <u>Hoạt động bán hàng hóa</u> | <u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|--|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 5.357.142.857 | 165.636.361 | 5.522.779.218 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | - | - | - |
| Tổng Doanh thu | <u>5.357.142.857</u> | <u>165.636.361</u> | <u>5.522.779.218</u> |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | 6.625.237.202 | 15.649.756 | 6.640.886.958 |
| Kết quả kinh doanh | | | |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | <u>(1.268.094.345)</u> | <u>149.986.605</u> | <u>(1.118.107.740)</u> |
| Chi phí không phân bổ | | | |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (1.268.094.345) | 149.986.605 | (1.118.107.740) |
| Doanh thu từ các khoản đầu tư | | | 46.505.140 |
| Lãi (lỗ) khác | | | - |
| Chi phí tài chính | | | (52.736.600) |
| Lỗ trước thuế | | | (1.018.866.000) |
| Chi phí thuế TNDN | | | - |
| Lỗ trong năm | | | <u><u>(1.018.866.000)</u></u> |

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

| | <u>Hoạt động bán hàng hóa</u> | <u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| | 01/01/2014 | 01/01/2014 | 01/01/2014 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản | | | |
| Tài sản bộ phận | 5.804.408.597 | 392.748.682 | 6.197.157.279 |
| Tài sản không phân bổ | | | 67.746.933.875 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | <u><u>73.944.091.154</u></u> |
| Nợ phải trả | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 349.362.334 | 673.825.857 | 1.023.188.191 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | 8.227.663.903 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | <u><u>9.250.852.094</u></u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

14. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

| | Hoạt động bán hàng hóa | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Tổng cộng |
|--|---|---|---|
| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
| Doanh thu | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | - | - | - |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | - | - | - |
| Tổng Doanh thu | - | - | - |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | 2.081.433.131 | 257.105.579 | 2.338.538.710 |
| Kết quả kinh doanh | | | |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | (2.081.433.131) | (257.105.579) | (2.338.538.710) |
| Chi phí không phân bổ | | | |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (2.081.433.131) | (257.105.579) | (2.338.538.710) |
| Doanh thu từ các khoản đầu tư | | | 1.690.525.163 |
| Lãi (lỗ) khác | | | (9.086.728) |
| Chi phí tài chính | | | 93.884.438 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | (750.984.713) |
| Chi phí thuế TNDN | | | - |
| Lợi nhuận trong năm | | | (750.984.713) |

101
 CÔNG
 CHẾ
 E M
 V A
 QU
 G A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
|----------------------------|--|--|
| Doanh thu bán hàng hóa | 5.357.142.857 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 165.636.361 | - |
| Cộng | 5.522.779.218 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
|----------------------|--|--|
| Giá vốn bán hàng hóa | 5.242.857.143 | - |
| Cộng | 5.242.857.143 | - |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
|----------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 46.505.140 | 1.587.452.155 |
| Cổ tức được chia | - | 37.073.450 |
| Doanh thu tài chính khác | - | 65.999.558 |
| Cộng | 46.505.140 | 1.690.525.163 |

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | (1.033.864.661) | (743.771.882) |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (1.033.864.661) | (743.771.882) |
| Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 5.726.698 | 5.726.698 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (181) | (130) |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 | 10.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ tại ngày | |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền | 1.526.234.125 | 1.614.238.894 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.152.800.000 | 7.800.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.480.632.600 | 2.422.896.000 |
| Đầu tư dài hạn | 56.100.000.000 | 49.100.000.000 |
| Cộng | 61.259.666.725 | 53.144.934.894 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay và nợ | - | 2.600.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 11.466.713.501 | 1.092.222.214 |
| Cộng | 11.466.713.501 | 3.692.222.214 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Tại 30/06/2014 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 11.466.713.501 | - | 11.466.713.501 |
| Cộng | 11.466.713.501 | - | 11.466.713.501 |
| | | | |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
| Tại 01/01/2014 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.092.222.214 | - | 1.092.222.214 |
| Các khoản vay | 2.600.000.000 | - | 2.600.000.000 |
| Cộng | 3.692.222.214 | - | 3.692.222.214 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại 30/06/2014 | | | |
| Tiền | 1.526.234.125 | - | 1.526.234.125 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.152.800.000 | - | 1.152.800.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.480.632.600 | - | 2.480.632.600 |
| Đầu tư dài hạn | - | 56.100.000.000 | 56.100.000.000 |
| Cộng | 5.159.666.725 | 56.100.000.000 | 61.259.666.725 |
| | | | |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
| Tại 01/01/2014 | | | |
| Tiền | 1.614.238.894 | - | 1.614.238.894 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 7.800.000 | - | 7.800.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.422.896.000 | - | 2.422.896.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 49.100.000.000 | 49.100.000.000 |
| Cộng | 4.044.934.894 | 49.100.000.000 | 53.144.934.894 |

IAN
À
VH
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan

Số dư với bên liên quan như sau:

| | 30/06/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|--|--|
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | |
| Ông Trần Khắc Hùng | 10.000.000.000 | - |
| Cộng | 10.000.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn | | |
| Ông Trần Khắc Hùng | - | 2.000.000.000 |
| Cộng | - | 2.000.000.000 |
| Trả trước cho người bán | | |
| Ông Trần Khắc Hùng | 930.000.000 | 930.000.000 |
| Cộng | 930.000.000 | 930.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | | |
| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
| Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 186.000.000 | 186.750.000 |
| Cộng | 186.000.000 | 186.750.000 |

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được soát xét.



Trần Khắc Hùng
Giám đốc
Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập